

PHÂN TÁCH BẤT BÌNH ĐẲNG THEO NGUỒN THU NHẬP VÙNG VEN ĐÔ HÀ NỘI: BẰNG CHỨNG MỚI TỪ DỮ LIỆU KHẢO SÁT HỘ GIA ĐÌNH

Trần Quang Tuyên*, Vũ Văn Hường**

Ngày nhận: 24/10/2014

Ngày nhận bản sửa: 01/12/2014

Ngày duyệt đăng: 25/12/2014

Tóm tắt:

Bài viết nghiên cứu mối quan hệ giữa các nguồn thu nhập và bất bình đẳng thu nhập giữa các hộ gia đình ở khu vực ven đô của Hà Nội. Với bộ dữ liệu khảo sát vào năm 2010 và sử dụng phương pháp phân tách hệ số Gini về bất bình đẳng thu nhập, bài viết đưa ra bằng chứng thực nghiệm mới rằng nguồn phi nông nghiệp tự làm và việc làm công chính thức là nguyên nhân lớn nhất dẫn tới bất bình đẳng thu nhập. Phát hiện này hàm ý rằng cơ hội kiếm những nguồn thu nhập này chỉ dành cho những hộ giàu có hơn, trong khi đó tác động làm giảm bất bình đẳng thu nhập của thu nhập từ nông nghiệp và việc làm công phi chính thức hàm ý rằng cơ hội kiếm nguồn những thu nhập này sẵn có cho các hộ gia đình nghèo hơn. Dựa vào kết quả nghiên cứu thực nghiệm, bài viết đưa ra một số gợi ý chính sách cho vấn đề bất bình đẳng trong bối cảnh thu hẹp đất nông nghiệp do đô thị hóa ở vùng ven đô của Hà Nội.

Từ khóa: Bất bình đẳng thu nhập, làm công phi chính thức, làm công chính thức, phân tách hệ số Gini, vùng ven đô.

Income inequality in Hanoi's peri-urban areas: New evidence from household survey data

Abstract

This study examines the relationship between various income sources and income inequality among households in Hanoi's peri-urban areas. Using the dataset from a 2010 field household survey combined with a Gini decomposition analysis of income inequality, this study provided the new empirical evidence that nonfarm self-employment and formal wage income were found to be the major contributors to the overall income inequality. This finding suggests that opportunities for earning such as income sources are skewed towards the better-off, whereas the inequality-decreasing effect of agriculture and informal wage incomes imply that opportunities for earning these income sources are available to the poorer parts of the population. Based on the empirical results, this study provides some policy implications for addressing the problem of income inequality, given the context of shrinking farmland due to urbanization in Hanoi's peri-urban areas.

Keywords: Income inequality, informal wage work, formal wage work, Gini decomposition, peri-urban areas.

1. Giới thiệu

Nhiều bằng chứng thực nghiệm cho thấy việc tham gia vào các hoạt động phi nông nghiệp, bao gồm việc làm công ăn lương và tự làm, có tác động tới giảm đói nghèo và do đó nâng cao chất lượng cuộc sống cho một bộ phận lớn các hộ gia đình nông thôn cũng như vùng ven đô ở Việt Nam (Tuyen, 2014). Tuy nhiên, trong khi đa dạng hóa thu nhập theo các nguồn phi nông nghiệp có tác động tích cực tới thu nhập cho hộ gia đình, quá trình này lại làm cho gia tăng tình trạng bất bình đẳng thu nhập. Sử dụng các bộ dữ liệu từ hai cuộc điều tra mức sống hộ gia đình Việt Nam (VHLSS) các năm 2002 và 2004 và phương pháp phân tách hệ số Gini bất bình đẳng theo nguồn thu nhập, Cam & Akita (2008) chỉ ra rằng thu nhập từ hoạt động phi nông nghiệp tự làm gia tăng đáng kể tới bất bình đẳng. Ngược lại với xu hướng trên, thu nhập từ nông nghiệp làm giảm bất bình đẳng thu nhập. Bên cạnh đó, nghiên cứu của họ cho thấy thu nhập từ làm công ăn lương tuy đóng góp nhiều nhất cho tổng bất bình đẳng nhưng lại có tác động rất nhỏ tới sự gia tăng của bất bình đẳng. Sử dụng bộ dữ liệu VHLSS các năm từ 2006 tới 2012 và phương pháp nghiên cứu như trên, Tuyền (2014) cũng thu được kết quả tương tự với nghiên cứu của Cam & Akita (2008).

Khi đi sâu vào phân tích tình trạng phân phối thu nhập trong nội bộ khu vực nông thôn và đô thị, Cam & Akita (2008) phát hiện rằng đóng góp của từng nguồn thu nhập tới bất bình đẳng là khác nhau khá nhiều giữa hai khu vực. Trong khi thu nhập nông nghiệp làm giảm bất bình đẳng ở khu vực đô thị, nguồn thu nhập này lại làm tăng bất bình đẳng ở khu vực nông thôn. Hoạt động phi nông nghiệp tự làm dường như không có mối liên hệ nào với bất bình đẳng ở đô thị nhưng hoạt động này lại làm gia tăng bất bình đẳng ở nông thôn. Thu nhập từ làm công ăn lương làm giảm bất bình đẳng ở cả hai khu vực. Sau cùng, các nguồn thu nhập khác làm gia tăng bất bình đẳng thu nhập ở cả hai khu vực. Những phát hiện trên hàm ý rằng mối quan hệ giữa nguồn thu nhập và bất bình đẳng là khác nhau khá nhiều theo từng khu vực địa lý bởi hai khu vực này khác nhau về các điều kiện tự nhiên, kinh tế và xã hội.

Việc tổng quan tài liệu nghiên cứu nói trên cho thấy có hai vấn đề cần được tiếp tục nghiên cứu về mối quan hệ giữa nguồn thu nhập và bất bình đẳng ở Việt Nam. Thứ nhất, các công trình nghiên cứu nói trên gộp chung cả nước, hoặc chỉ tập trung vào

khu vực nông thôn và đô thị, trong khi đó chưa có công trình nào nghiên cứu về nguyên nhân bất bình đẳng thu nhập giữa các hộ gia đình ở khu vực ven các đô thị lớn của Việt Nam. Khu vực ven đô không hoàn toàn giống với khu vực nông thôn và đô thị. Về mặt địa lý, khu vực ven đô là nơi giao thoa giữa nông thôn và đô thị và do đó nó sẽ có những đặc điểm chung và riêng biệt với hai khu vực nói trên. Do vậy, mối quan hệ giữa nguồn thu nhập và bất bình đẳng có thể sẽ khác với khu vực nông thôn và đô thị. Thứ hai, trong khi xem xét mối quan hệ giữa nguồn thu nhập với bất bình đẳng, các nghiên cứu nói trên không phân chia nguồn thu nhập từ làm công thành các nguồn khác nhau, chẳng hạn như nguồn thu nhập từ làm công chính thức và phi chính thức. Nghiên cứu của Nguyen (2010) cho thấy hai nguồn thu nhập này hoàn toàn khác nhau về mức thu nhập, trình độ của người lao động và các điều kiện làm việc. Do vậy, hai nguồn thu nhập khác nhau này sẽ có thể có những tác động khác nhau tới bất bình đẳng.

Bài viết này sử dụng phương pháp phân tách hệ số Gini về bất bình đẳng theo nguồn thu nhập dựa vào bộ dữ liệu điều tra hoàn toàn mới từ cuộc khảo sát hộ gia đình của riêng tác giả năm 2010 ở khu vực ven đô của Hà Nội. Hơn nữa, đây là nghiên cứu đầu tiên phân chia nguồn thu nhập làm công thành hai nguồn khác nhau là thu nhập làm công chính thức và thu nhập làm công phi chính thức. Nghiên cứu này cho thấy rằng trong khi thu nhập từ việc làm công phi chính thức và nông nghiệp làm giảm bất bình đẳng, thu nhập từ việc làm công chính thức và phi nông nghiệp tự làm làm gia tăng nhiều nhất tới bất bình đẳng. Do đó, công trình nghiên cứu này đã có những đóng góp hữu ích về mặt khoa học qua việc cung cấp các bằng chứng thực nghiệm đầu tiên về mối quan hệ giữa nguồn thu nhập và bất bình đẳng thu nhập ở khu vực ven đô của Việt Nam. Các phát hiện nghiên cứu này sẽ góp phần nâng cao sự hiểu biết về bất bình đẳng thu nhập và có tác dụng hữu ích cho hoạt động phân tích chính sách kinh tế và thiết kế các chương trình giảm nghèo và bình đẳng xã hội ở Việt Nam.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Mô tả địa bàn nghiên cứu

Địa bàn được lựa chọn để nghiên cứu là Huyện Hoài Đức, một huyện ven đô của Hà Nội. Hoài Đức nằm ở phía Tây Bắc của Hà Nội, cách quận trung tâm 19 km. Hoài Đức nằm ở vị trí địa lý rất thuận

lợi, được bao quanh bởi nhiều con đường quan trọng như Đại lộ Thăng Long (con đường dài nhất và hiện đại nhất Việt Nam), Quốc lộ 32, và cận kề các khu công nghiệp, khu đô thị mới và Công viên Thiên đường Bảo Sơn (tổ hợp giải trí và du lịch lớn nhất miền Bắc). Hoài Đức có diện tích là 8.247 hecta, trong đó đất nông nghiệp là 4.272 hecta và 91% diện tích này được sử dụng bởi các cá nhân và hộ gia đình. Có 20 đơn vị hành chính thuộc huyện, bao gồm 1 thị trấn và 19 xã. Hoài Đức có tổng số hộ gia đình là 50.400 hộ, với dân số là 193.600 người (UBND Huyện Hoài Đức, 2010).

2.2. Thu thập dữ liệu

Dựa vào bảng hỏi điều tra hộ gia đình của Tổng cục Thống kê (GSO, 2008), tác giả đã thiết kế một bảng hỏi hộ gia đình để phục vụ cho việc thu thập dữ liệu định lượng về đặc điểm nhân khẩu của hộ gia đình và nguồn thu nhập từ các hoạt động khác nhau trong 12 tháng (kể từ thời điểm khảo sát). Sáu xã được chọn ngẫu nhiên từ 19 xã và sau đó 100 hộ gia đình (bao gồm 20 hộ cho mẫu dự trữ) được chọn ngẫu nhiên từ mỗi xã trong sáu xã nói trên để tạo thành một mẫu nghiên cứu bao gồm 480 hộ gia đình. Công việc thu thập dữ liệu được thực hiện từ tháng 4 đến tháng 6 năm 2010, và 477 hộ gia đình được phỏng vấn thành công.¹

2.3. Phương pháp phân tích dữ liệu

Hệ số Gini (G) có thể được tính toán và diễn giải về mặt hình học của đường cong Lorenz. Tuy nhiên hệ số này có thể được biểu thị thông qua hiệp phương sai giữa các mức thu nhập và phân phối tích lũy thu nhập như sau (Bellù & Liberati, 2006):

$$G = \frac{\text{Cov}(y, F(y))}{\bar{y}}, \quad (1)$$

trong đó, G là hệ số Gini, Cov là hiệp phương sai giữa các mức thu nhập và phân phối tích lũy của các mức thu nhập đó ($F(y)$) và \bar{y} là mức thu nhập bình quân. Vì thu nhập có thể được chia tách thành nhiều nguồn khác nhau. Tương tự chúng ta cũng có thể tính hệ số Gini cho từng nguồn thu nhập (G_k) như sau:

$$G_k = \frac{\text{Cov}(yk, F(yk))}{\bar{y}k}, \quad (2)$$

trong đó trong đó, G_k là hệ số Gini của nguồn thu nhập thứ k, Cov là hiệp phương sai giữa các mức thu nhập từ nguồn thu nhập k (y_k) và phân phối tích

lũy của các mức thu nhập từ nguồn k ($F(y_k)$) và $\bar{y}k$ là mức thu nhập bình quân của nguồn k.

Bài viết này áp dụng cách tiếp cận nghiên cứu của Van Den Berg & Kumbi (2006) để phân tích mối quan hệ giữa nguồn thu nhập và bất bình đẳng, với việc sử dụng phương pháp phân tách hệ số Gini theo nguồn thu nhập. Lerman & Yitzhaki (1985) đã phát triển kết quả nghiên cứu của Shorrocks (1982) và chỉ ra rằng hệ số Gini của bất bình đẳng thu nhập (G) có thể được biểu thị như sau:

$$G = \sum_{k=1}^K S_k G_k R_k \quad (3)$$

Trong đó S_k là tỷ lệ của nguồn thu nhập k trong tổng thu nhập, G_k là hệ số Gini của phân phối thu nhập từ nguồn thu nhập k, và R_k là mối quan hệ giữa thu nhập từ nguồn k và phân phối của tổng thu nhập, ($R_k = \text{Cov}\{y_k, F(y)\} / \text{Cov}\{y_k, F(y_k)\}$), trong đó $\text{Cov}\{y_k, F(y)\}$ là hiệp phương sai của số lượng thu nhập từ nguồn thu nhập k và thứ hạng của tổng thu nhập; và $\text{Cov}\{y_k, F(y_k)\}$ là hiệp phương sai của số lượng thu nhập từ nguồn thu nhập k và thứ hạng thu nhập của nguồn k (Adams, 1991).

$C_k = G_k R_k$ được biết như là tỷ lệ tập trung của nguồn thu nhập k, trong khi đó W_k là tỷ lệ hay đóng góp của nguồn thu nhập k tới tổng bất bình đẳng (G) được biểu thị là:

$$W_k = (S_k G_k R_k) / G \quad (4)$$

Theo Adams (1991) thì tỷ lệ tập trung tương đối g_k của nguồn thu nhập k trong tổng bất bình đẳng được tính bằng công thức sau:

$$g_k = \frac{C_k R_k}{G} = \frac{C_k}{G} \quad (5)$$

Nếu $g_k > 1$ thì nguồn thu nhập k sẽ làm gia tăng bất bình đẳng; nếu $g_k < 1$ thì nguồn thu nhập k sẽ làm giảm bất bình đẳng; và nếu $g_k = 1$ thì nguồn thu nhập k sẽ không có tác động tới bất bình đẳng (Adams, 1991).

Theo Stark, Taylor & Yitzhaki (1986), độ co dãn bất bình đẳng theo nguồn thu nhập (e_k) cho biết mức thay đổi phần trăm trong tổng bất bình đẳng do một phần trăm thay đổi từ nguồn thu nhập k, và được biểu thị như sau:

$$e_k = (S_k G_k R_k / G) - S_k \quad (6)$$

Trong đó G là hệ số Gini của tổng bất bình đẳng trước khi thu nhập thay đổi. Van Den Berg & Kumbi (2006) chỉ ra rằng biểu thức (6) là sự chênh lệch

Bảng 1: Thu nhập hộ gia đình theo các nguồn khác nhau

Nguồn	Mô tả
1. Nông nghiệp	Việc tự làm của hộ gia đình trong nông nghiệp, bao gồm chăn nuôi, trồng trọt và các hoạt động liên quan
2. Phi nông nghiệp tự làm	Việc làm tự làm trong của thành viên hộ gia đình và của hộ gia đình trong các hoạt động phi nông nghiệp
3. Làm công phi chính thức	Việc làm thuê không ổn định, thường không có hợp đồng lao động chính thức. Người làm công phi chính thức thường là lao động chân tay và được thuê bởi các cá nhân và hộ gia đình khác.
4. Làm công chính thức	Việc làm công ăn lương ổn định trong nhà máy, doanh nghiệp, cơ quan nhà nước và các tổ chức khác với hợp đồng lao động chính thức, đòi hỏi kỹ năng và trình độ giáo dục cao hơn
5. Thu nhập khác	Thu nhập từ các nguồn khác như thanh toán chuyên nhượng từ Chính phủ hay tư nhân, thu nhập từ tiền gửi, cho thuê nhà và đất.

Nguồn: Từ dữ liệu khảo sát của tác giả và và Nguyen (2010).

giữa tỷ lệ của nguồn thu nhập k trong hệ số Gini của tổng bất bình đẳng và tỷ lệ của nguồn thu nhập này trong tổng thu nhập (Y). Lưu ý rằng tổng số của độ co dãn bất bình đẳng theo nguồn thu nhập sẽ bằng 0, có nghĩa là nếu tất cả các nguồn thu nhập thay đổi cùng một tỷ lệ phần trăm thì hệ số Gini tổng bất bình đẳng sẽ không thay đổi.

Theo López-Feldman (2006), tác động của một nguồn thu nhập nào đó tới tổng bất bình đẳng phụ thuộc vào ba yếu tố sau:

- Tỷ trọng của nguồn thu nhập đó trong tổng thu nhập (S_k);
- Mức độ bình đẳng trong phân phối của nguồn thu nhập đó (G_k)
- Mối quan hệ giữa thu nhập từ nguồn và tổng thu nhập (R_k)

Nếu một nguồn thu nhập đóng góp phần lớn vào tổng thu nhập, nó có thể có tác động đáng kể tới bất bình đẳng. Tuy nhiên, nếu nguồn thu nhập này phân phối hoàn toàn bình đẳng thì nó không thể tác động tới bất bình đẳng. Nếu một nguồn thu nhập chiếm tỷ trọng lớn và phân phối bất bình đẳng, nó có thể làm tăng hoặc giảm bất bình đẳng và điều đó tùy thuộc vào nguồn thu nhập đó được phân phối tập trung cho người giàu hay người nghèo. Nếu một nguồn thu nhập có phân phối bất bình đẳng và tập trung vào những hộ giàu có thì nguồn thu nhập này sẽ làm gia tăng bất bình đẳng. Ngược lại, nếu nguồn thu nhập đó tuy phân phối bất bình đẳng nhưng tập trung về phía người nghèo thì nguồn thu nhập đó có thể làm giảm bất bình đẳng (López-Feldman, 2006).

3. Kết quả tính toán và thảo luận

3.1. Đặc điểm về hộ gia đình trong mẫu khảo sát

Trong các nghiên cứu trước đây về phân tách bất

bình đẳng theo nguồn thu nhập ở Việt Nam, thu nhập hộ gia đình thường được phân chia theo các nguồn khác nhau, bao gồm thu nhập tiền công, thu nhập từ việc làm phi nông nghiệp tự làm, thu nhập từ nông nghiệp và các nguồn thu nhập khác (Adger, 1999; Cam & Akita, 2008; Tuyên, 2014). Tuy nhiên, người làm công thường làm việc cho nhiều loại chủ lao động khác nhau ở Việt Nam. Nguyen (2010) đã phân chia người làm công ăn lương thành hai nhóm, bao gồm những người làm công chính thức và phi chính thức. Người làm công phi chính thức làm thuê cho các hộ gia đình hay cá nhân và thường không có hợp đồng lao động và bảo hiểm xã hội. Người làm công chính thức là những người làm việc cho nhà nước, doanh nghiệp và các tổ chức khác và họ kiếm được mức thu nhập cao hơn nhiều so với những người làm công phi chính thức. Dựa theo cách phân chia này, bài viết phân chia nguồn thu nhập từ làm công thành thu nhập từ làm công phi chính thức và thu nhập từ làm công chính thức. Thu nhập hộ gia đình, do vậy, có thể được đóng góp bởi 5 nguồn khác nhau (Bảng 1).

Tổng số hộ gia đình được khảo sát bao gồm 2146 người và 80% số này là có độ tuổi từ 15 trở lên. Tuy nhiên tỷ lệ số thành viên từ 15 tuổi trở lên có làm việc trong 12 tháng qua kể từ thời điểm khảo sát chỉ là 57%. Tỷ lệ thất nghiệp của nhóm trong độ tuổi lao động là khoảng 2,8%. Bảng 2 và 3 cung cấp một số thông tin chi tiết về đặc điểm nhân khẩu của hộ và các cá nhân trong hộ được khảo sát. Kết quả cho thấy rằng tuyệt đại đa số các hộ gia đình được khảo sát (84%) có thu nhập từ nông nghiệp (chăn nuôi và trồng trọt) (Bảng 3). Tuy nhiên, tính trung bình nguồn này chỉ chiếm khoảng 27% tổng thu nhập của các hộ. Điều này hàm ý rằng nông nghiệp vẫn có

Bảng 2: Đặc điểm các cá nhân tham gia các hoạt động kinh tế của hộ gia đình trong 12 tháng

	Toàn bộ	Nông nghiệp	Phi nông nghiệp tự làm	Làm công phi chính thức	Làm công chính thức
Tỷ lệ tham gia (%)	100	84	41	40	28
Tỷ lệ thời gian lao động(%)	100	30	25	27	18
Tuổi	40.06 (16.16)	45.52 (13.17)	39.66 (11.60)	36.98 (13.35)	32.40 (10.10)
Giáo dục (số năm đi học)	8.34 (3.64)	6.73 (2.93)	7.77 (3.14)	7.95 (3.20)	12.61 (2.50)
Tỷ trọng trong tổng số(%)	100	37.72	20.51	24.32	17.45

Ghi chú: Độ lệch chuẩn trong ngoặc ().

Nguồn: Tính toán của tác giả từ dữ liệu khảo sát và đơn vị tính toán là các thành viên hộ gia đình.

tầm quan trọng nhất định cho đảm bảo lương thực và thu nhập cho các hộ gia đình. Nhiều hộ gia đình tiếp tục trồng lúa để tự cung cấp nguồn lương thực cho gia đình, trong khi đó các hộ gia đình khác trồng rau và cây ăn quả để cung ứng cho thị trường đô thị ở Hà Nội. Loại cây trồng phổ biến là rau bắp cải, cà chua, rau muống và các loại đậu và trái cây bao gồm cam, bưởi, và ổi. Chăn nuôi phần lớn là quy mô hộ gia đình nhỏ nuôi gia cầm và lợn hoặc chăn nuôi bò. Tuy nhiên, những hoạt động này suy giảm đáng kể do sự lan rộng của dịch bệnh những năm gần đây. Bảng 2 cho thấy những thành viên tham gia vào công việc chính là nông nghiệp có độ tuổi trung bình cao hơn và giáo dục thấp hơn nhiều so với các cá nhân làm các công việc khác.

Bảng 3 cho thấy hầu hết toàn bộ các hộ gia đình (95%) đều tham gia vào hoạt động phi nông nghiệp và trung bình thì thu nhập từ những nguồn này đóng

góp khoảng hai phần ba cho tổng thu nhập của các hộ gia đình. Trong số các hoạt động này, tính trung bình thì thu nhập từ việc làm phi chính thức đóng góp khoảng một phần tư cho tổng thu nhập và khoảng 41% hộ gia đình tham gia hoạt động này. Nguồn thu nhập này thường kiếm được từ các hoạt động làm thuê lao động chân tay như thợ mộc, thợ sơn, thợ xây và nhiều loại lao động tay chân khác nữa. Những công việc này thường được thuê bởi các hộ gia đình và cá nhân với mức thu nhập thấp và không ổn định. Bảng 2 cho thấy những người làm công phi chính thức này có trình độ giáo dục thấp hơn mức trung bình và trẻ hơn những người làm nông nghiệp và phi nông nghiệp tự làm. Theo Bảng 3 thì khoảng 43% hộ gia đình trong mẫu khảo sát có tham gia vào hoạt động kinh doanh phi nông nghiệp tự làm, và tính trung bình thì khoảng 26% tổng thu nhập được đóng góp bởi hoạt động này. Những hoạt động này bao gồm các đơn vị sản xuất và thương

Bảng 3: Cơ cấu thu nhập và sự tham gia của hộ gia đình vào các hoạt động kinh tế

	Thu nhập/ hộ gia đình (1.000 đồng)	Thu nhập/ đầu người (1.000 đồng)	Cơ cấu thu nhập (%)	Tỷ lệ tham gia (%)
Tổng số	59.688	13.513		
SD	(31.156)	7.091		
Nông nghiệp	14.046	9.537	27,14	83,65
SD	(16.502)	7.140		
Phi nông nghiệp	42.151	2.576	66,07	95,40
SD	(32.527)	3.973		
A. Thu nhập tiền công phi chính thức	12.035	3.216	24,04	40,70
SD	(18.399)	6.232		
B. Thu nhập tiền công chính thức	14.554	3.746	17,90	28,10
SD	(28.972)	6.231		
C. Thu nhập phi nông nghiệp tự làm	15.561	3.216	24,13	40,50
SD	(26.478)	3.621		
Thu nhập khác	3.490	760	6,78	33,12
SD	(8.849)	2.410		

Ghi chú: Phi nông nghiệp = (A+B+C). N: 477. SD: độ lệch chuẩn trong ngoặc. Giá trị tính toán ở cột 5 và 6 theo đơn vị hộ gia đình.

Nguồn: Tính toán của tác giả từ dữ liệu khảo sát hộ gia đình 2010.

Bảng 4: Một số đặc điểm nhân khẩu học và tài sản của hộ

	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn	Cực tiểu	Cực đại
Quy mô hộ	4,50	1,62	1	11
Tổng số thành viên ngoài độ tuổi lao động	1,40	1,21	0	6
Giới tính của chủ hộ	0,78	0,41	0	1
Tuổi của chủ hộ	51,35	12,60	21	96
Số năm đi học trung bình của chủ hộ	6,81	3,45	0	16
Số thành viên trong độ tuổi lao động	3,10	1,45	0	7
Tuổi trung bình các thành viên trong độ tuổi lao động	34,80	6,53	18	60
Số năm đi học trung bình của các thành viên trong độ tuổi lao động	8,90	2,50	0	16
Diện tích đất nông nghiệp (m ²)	1.048	938	0	5.670
Diện tích đất ở (m ²)	254	152	0	125
Tổng giá trị tài sản sản xuất (nghìn đồng)	20.810	1.975	350	82.600

Nguồn: Tính toán của tác giả từ dữ liệu khảo sát hộ gia đình 2010. Đơn vị tính toán theo hộ.

mai quy mô nhỏ, sử dụng lao động gia đình. Cơ sở kinh doanh của các hoạt động này phần lớn đặt tại nhà hay đất riêng của hộ gia đình nơi có vị trí thuận lợi để mở cửa hàng, xưởng hay nhà hàng nhỏ. Những thành viên làm công việc này có độ tuổi khá cao, chỉ kém nhóm làm nông nghiệp. Tuy nhiên nhóm này có số năm đi học trung bình cao hơn 1 năm so với nhóm làm nông nghiệp. Khoảng 28% hộ gia đình trong mẫu kiểm thu nhập từ việc làm công chính thức, và tính trung bình nguồn thu nhập này đóng góp 18% tổng thu nhập. Dữ liệu ở Bảng 2 cho thấy rằng người làm công chính thức thường có trình độ cao hơn và trẻ hơn so với lao động phi chính thức, nông dân và lao động phi nông nghiệp tự làm. Sau cùng, khoảng một phần ba số hộ gia đình nhận các nguồn thu nhập khác, bao gồm tiền gửi và quà tặng của các cá nhân và chính phủ (lương hưu, các hỗ trợ khác), và các nguồn khác. Những nguồn này, tuy nhiên, trung bình chỉ đóng góp 6.8% cho tổng thu nhập.

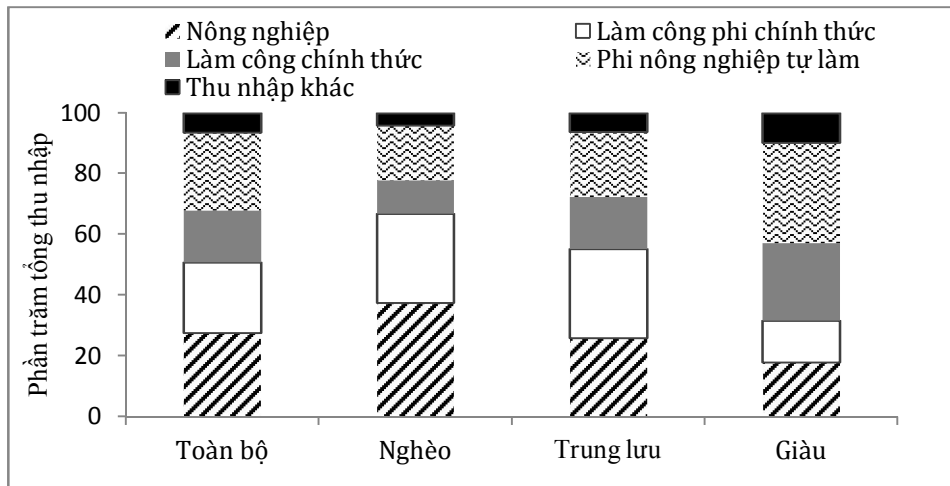
Bảng 4 cung cấp thêm một số thông tin về đặc điểm nhân khẩu học và tài sản của hộ trong mẫu khảo sát. Tính bình quân mỗi hộ có khoảng 4 thành viên. Tỷ lệ chủ hộ là nam chiếm đa số với gần 80%. Số năm đi học trung bình của chủ hộ là khá thấp, số năm đi học nhiều nhất là 16, tương ứng với trình độ đại học. Các thành viên trong độ tuổi lao động là khoảng 3 thành viên tính trung bình cho toàn mẫu khảo sát. Độ tuổi trung bình của các thành viên này là khoảng 35 tuổi và họ có số năm đi học

trung bình cao hơn so với chủ hộ là 2 năm. Các hộ gia đình được khảo sát có diện tích đất nông nghiệp rất thấp, chỉ bình quân là gần 3 sào/hộ. Tính bình quân, mỗi hộ gia đình sở hữu giá trị tài sản sản xuất là 20,8 triệu đồng, trong đó hộ có giá trị tài sản sản xuất lớn nhất là 82,6 triệu đồng.

Để phân tích sơ bộ mối quan hệ giữa các nguồn thu nhập và phân phối thu nhập, mẫu khảo sát hộ gia đình được chia thành 3 nhóm có số hộ bằng nhau (159 hộ mỗi nhóm) theo thứ tự thu nhập bình quân đầu người từ thấp tới trung lưu và cao. Hình 1 cho thấy, so với nhóm thu nhập cao thì nhóm nghèo và nhóm trung lưu có tỷ lệ thu nhập từ nông nghiệp cao hơn, trong khi đó nhóm giàu có tỷ lệ thu nhập từ hoạt động phi nông nghiệp tự làm và việc làm công chính thức cao hơn. Điều này gợi ý rằng tỷ lệ thu nhập theo nguồn có quan hệ chặt chẽ với phân phối thu nhập, và dường như dữ liệu cho thấy có mối quan hệ tỷ lệ thuận giữa tỷ lệ thu nhập của việc làm phi nông nghiệp tự làm, và việc làm công chính thức với thu nhập bình quân đầu người. Ngược lại, có mối quan hệ tỷ lệ nghịch giữa tỷ lệ thu nhập của nông nghiệp và việc làm công phi chính thức với thu nhập bình quân đầu người.

Để phân chia nhóm hộ gia đình theo quy mô đất nông nghiệp, mẫu khảo sát được chia thành ba nhóm hộ bằng nhau về số hộ (mỗi nhóm bao gồm 159 hộ) và được xếp theo thứ tự hộ có diện tích đất nông nghiệp bình quân trên đầu người từ thấp đến trung bình và nhiều. Theo Hình 2, hộ gia đình nhiều

Hình 1: Cơ cấu thu nhập của các nhóm hộ theo thu nhập



Nguồn: Tính toán của tác giả từ dữ liệu khảo sát hộ gia đình 2010.

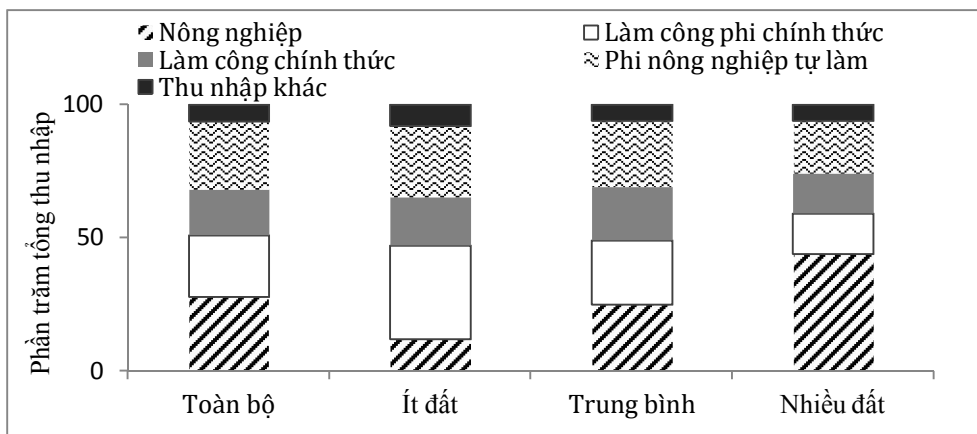
đất hơn có tỷ lệ thu nhập từ nông nghiệp cao hơn nhưng có tỷ lệ thu nhập từ việc làm phi nông nghiệp tự làm, việc làm công chính thức và các thu nhập khác là thấp hơn so với các hộ có ít đất hơn. Ngược lại, hộ gia đình ít đất hơn nhận nhiều thu nhập từ hoạt động phi nông nghiệp tự làm và việc làm công phi chính thức. Điều này hàm ý rằng các hộ gia đình ít đất buộc phải tham gia vào các hoạt động này để bổ sung nguồn thu nhập ít ỏi do có ít đất nông nghiệp. Sau cùng, tỷ lệ thu nhập từ việc làm công chính thức dường như không liên quan gì tới tình trạng phân phối đất đai. Điều này gợi ý rằng nguồn thu nhập này có thể liên quan tới các nhân tố khác như giáo dục chứ không phải là tình trạng có nhiều hay ít đất nông nghiệp.

3.2. Phân tích hệ số Gini theo nguồn thu nhập

Bảng 5 cho thấy thu nhập từ làm công ăn lương đóng góp nhiều nhất cho thu nhập hộ gia đình và thứ

tự đóng góp tiếp theo là thu nhập từ hoạt động phi nông nghiệp tự làm, nông nghiệp và các nguồn thu nhập khác. Bảng 5 chỉ ra rằng giá trị của hệ số Gini theo từng nguồn thu nhập lớn hơn khá nhiều so với giá trị hệ số Gini của tổng thu nhập. Điều này bất nguồn từ thực tế là có nhiều hộ chỉ tập trung vào một hoạt động kinh tế nhất định và do vậy họ sẽ không có hoặc có ít thu nhập từ các nguồn khác. Chính vì vậy, phân phối của từng nguồn thu nhập sẽ bất bình đẳng hơn so với phân phối của tổng thu nhập. Nhìn vào giá trị của hệ số Gini của từng nguồn thu nhập, chúng ta thấy rằng thu nhập từ làm công ăn lương được phân phối bình đẳng nhất, sau đó lần lượt là thu nhập từ nông nghiệp, từ phi nông nghiệp tự làm và các nguồn thu nhập khác. Kết quả ở cột 5 và cột 7 của Bảng 3 chỉ ra rằng thu nhập từ nông nghiệp và việc làm công ăn lương làm giảm bất bình đẳng ($gk < 1$ và ek có giá trị âm), trong khi

Hình 2: Cơ cấu thu nhập của các nhóm hộ theo quy mô đất nông nghiệp



Nguồn: Tính toán của tác giả từ dữ liệu khảo sát hộ gia đình 2010.

Bảng 5: Hệ số Gini về bất bình đẳng theo nguồn thu nhập

Nguồn thu nhập	Tỷ lệ trong tổng thu nhập	Gini	Tương quan với phân phối của tổng thu nhập	Hệ số tập trung tương đối	Đóng góp vào tổng bất bình đẳng	Độ co dãn theo nguồn với bất bình đẳng của tổng thu nhập
	<i>Sk</i>	<i>Gk</i>	<i>Rk</i>	<i>gk</i>	<i>Wk</i>	<i>ek</i>
A. Thu nhập từ làm công ăn lương	0,416	0,584	0,428	0,936	0,39	-0,268
A1. Thu nhập từ làm công phi chính thức	0,197	0,727	0,012	0,033	0,007	-0,191
A2. Thu nhập từ làm công chính thức	0,219	0,818	0,572	1,752	0,383	0,164
B. Nông nghiệp	0,232	0,606	0,121	0,275	0,064	-0,168
C. Phi nông nghiệp tự làm	0,271	0,757	0,534	1,514	0,409	0,138
D. Các nguồn khác	0,082	0,876	0,518	1,670	0,138	0,057
Tổng	1,000	0,267			1,000	

Ghi chú: Tính toán dựa theo thu nhập bình quân đầu người. $N=477$. $A=A1+A2$.

Nguồn: Tính toán của tác giả từ dữ liệu khảo sát hộ gia đình 2010.

đó thu nhập từ việc làm phi nông nghiệp tự làm và các nguồn thu nhập khác làm gia tăng bất bình đẳng ($gk > 1$ và ek có giá trị dương). Thu nhập từ làm công ăn lương và nông nghiệp làm giảm bất bình đẳng bởi vì hai nguồn thu nhập này được phân phối tương đối bình đẳng hơn (Gk nhỏ hơn) và hơn nữa chúng cũng được phân phối tập trung về phía các hộ nghèo hơn (Rk nhỏ hơn) so với nguồn thu nhập từ phi nông nghiệp tự làm và các nguồn khác. Phát hiện này phần nào tương đồng với kết quả trong nghiên cứu của Tuyên (2014) về bất bình đẳng theo nguồn thu nhập ở Việt Nam năm 2010.

Bài viết này là nghiên cứu đầu tiên về bất bình đẳng theo nguồn thu nhập đã phân chia phạm trù thu nhập từ tiền công thành hai phạm trù cụ thể hơn là thu nhập từ tiền công phi chính thức và thu nhập từ tiền công chính thức. Các giá trị tính toán ở cột 5 của Bảng 5 cho biết hệ số tập trung tương đối của thu nhập từ việc làm công phi chính thức gần như bằng không trong khi đó hệ số này của nguồn thu nhập từ việc làm công chính thức lớn hơn 1 rất nhiều. Do vậy, nghiên cứu này đã đưa ra bằng chứng thực nghiệm đầu tiên rằng trong khi thu nhập từ việc làm công phi chính thức làm giảm mạnh bất bình đẳng; thu nhập từ việc làm công chính thức làm gia tăng đáng kể tới bất bình đẳng. Các tính toán ở cột 5 cũng cho thấy thu nhập từ phi nông nghiệp tự làm và các nguồn thu nhập khác cũng làm gia tăng đáng

kể bất bình đẳng. Nhìn vào cột 7, chúng ta có thể thấy rằng cứ 1% gia tăng trong thu nhập từ nông nghiệp và việc làm công phi chính thức sẽ làm cho tổng mức bất bình đẳng giảm đi tương ứng 0,17% và 0,19%. Trong khi đó, mức gia tăng tương ứng trong thu nhập từ phi nông nghiệp tự làm và việc làm công chính thức sẽ làm cho tổng bất bình đẳng tăng thêm tương ứng là 0,14% và 0,16%.

Các giá trị tính toán ở cột 6 cho thấy thu nhập từ làm công chính thức đóng góp nhiều thứ hai (sau thu nhập từ phi nông nghiệp tự làm) tới bất bình đẳng. Kết hợp với nhau, hai nguồn này đóng góp tới gần 80% của tổng bất bình đẳng. Trong khi đó, thu nhập từ việc làm công phi chính thức và từ nông nghiệp chỉ đóng góp khoảng 7% vào tổng bất bình đẳng. Như đã phân tích trong mục 3.2, việc phân tách hệ số Gini theo nguồn thu nhập sẽ giúp cho chúng ta lý giải được vì sao trong khi một số nguồn thu nhập đóng góp nhiều hơn tới bất bình đẳng và/hoặc làm gia tăng tới bất bình đẳng thì một số nguồn thu nhập khác lại đóng góp ít hơn tới bất bình đẳng và/hoặc làm giảm bất bình đẳng. Thu nhập từ phi nông nghiệp tự làm và việc làm công chính thức đóng góp nhiều nhất cho tổng bất bình đẳng bởi hai nguồn này chiếm tỷ trọng tương đối cao trong tổng thu nhập (Sk lớn), có phân phối bất bình đẳng nhất (Gk lớn nhất) và tập trung nhiều cho các hộ khá giả hơn (Rk lớn hơn). Các kết quả tính toán ở Cột 3 cho

thấy mức độ bất bình đẳng của các nguồn thu nhập từ nông nghiệp và làm công phi chính thức giữa các hộ gia đình là thấp hơn nhiều so với mức độ bất bình đẳng của nguồn thu nhập từ phi nông nghiệp tự làm, việc làm công chính thức và các thu nhập khác. Thêm vào đó, so với các nguồn thu nhập từ phi nông nghiệp tự làm và việc làm công chính thức thì thu nhập từ nông nghiệp và làm công phi chính thức được phân phối tập trung cho các hộ nghèo hơn (*Rk* nhỏ hơn). Do vậy, thu nhập từ hai nguồn này có tác động làm giảm bất bình đẳng và thu nhập từ làm công chính thức và phi nông nghiệp tự làm làm gia tăng bất bình đẳng.

Về cơ bản, phát hiện trong nghiên cứu của tác giả đồng thuận với các nghiên cứu trước đây của Cam & Akita (2008) và Tuyen (2014) khi các nghiên cứu này cho thấy trong khi thu nhập nông nghiệp thực sự làm giảm bất bình đẳng, thu nhập từ phi nông nghiệp tự làm làm gia tăng bất bình đẳng thu nhập ở Việt Nam. Tuy nhiên, khác với kết quả của Cam & Akita (2008) khi họ phát hiện rằng nguồn thu nhập nông nghiệp làm gia tăng bất bình đẳng ở nông thôn, nghiên cứu của tác giả cho thấy thu nhập nông nghiệp lại làm giảm bất bình đẳng ở khu vực ven đô. Điều này hàm ý rằng mối quan hệ giữa nguồn thu nhập và bất bình đẳng là khác nhau giữa các khu vực địa lý và điều này có thể do tác động của những điều kiện tự nhiên, kinh tế và xã hội là khác nhau giữa các khu vực. Những phát hiện nghiên cứu trên cho thấy cần có thêm các công trình nghiên cứu chuyên sâu lý giải nguyên nhân của sự khác biệt này.

4. Kết luận và hàm ý chính sách

Thông qua việc phân chia nguồn thu nhập từ làm công thành hai nguồn khác nhau, bài viết này đã cung cấp bằng chứng thực nghiệm đầu tiên rằng thu nhập từ làm công phi chính thức có tác động làm giảm bất bình đẳng thu nhập. Điều đó hàm ý rằng không có những rào cản không đáng kể cho việc gia nhập thị trường lao động làm thuê phi chính thức và do đó mọi thành viên hộ gia đình có thể dễ dàng đảm nhận các công việc này ở vùng ven đô của Hà Nội. Ngược lại, tác động làm tăng bất bình đẳng của nguồn thu nhập phi nông nghiệp tự làm và việc làm công chính thức hàm ý rằng có nhiều rào cản đã hạn chế các hộ gia đình tham gia vào những công việc có thu nhập cao hơn này. Có lẽ những công việc có thu nhập cao này thường đòi hỏi trình độ giáo dục

và kỹ năng cao hơn, hoặc sự tiếp cận tốt hơn với các nguồn tín dụng, mặt bằng kinh doanh hoặc các điều kiện khác. Lập luận này được hỗ trợ bởi các bằng chứng kinh tế lượng trong một nghiên cứu về sinh kế hộ gia đình ven đô Hà Nội (Tuyen và cộng sự, 2014). Những phát hiện này đã góp phần ủng hộ cho giả thuyết của Adger (1999) cho rằng đa dạng hóa thu nhập vào các hoạt động phi nông nghiệp sẽ gây ra bất bình đẳng cao hơn nếu những cơ hội việc làm phi nông nghiệp đó thiên lệch tới các hộ khá giả hơn; hoặc sẽ làm giảm bất bình đẳng nếu những cơ hội này sẵn có cho bộ phận nghèo hơn của toàn bộ các hộ gia đình. Điều này hàm ý rằng các chính sách và giải pháp của Nhà nước cũng như chính quyền địa phương về đầu tư cho đào tạo nghề và giáo dục, hỗ trợ việc tiếp cận vốn và mặt bằng kinh doanh cho các hộ nông dân nghèo vùng ven đô có thể giúp họ tham gia nhiều hơn vào các hoạt động phi nông nghiệp có thu nhập cao hơn. Qua đó có thể nâng cao mức sống chung của người dân và giảm bớt tình trạng bất bình đẳng thu nhập.

Trong bối cảnh thu hẹp đất nông nghiệp do đô thị hóa gia tăng, sự giảm sút tỷ lệ thu nhập từ hoạt động nông nghiệp là không thể tránh khỏi. Kết quả là việc gia tăng bất bình đẳng do sự suy giảm tỷ lệ thu nhập từ nông nghiệp sẽ là tất yếu. Dựa vào các phát hiện thực nghiệm nói trên, có thể đề xuất một vài chính sách khả thi để giúp làm giảm bớt tình trạng bất bình đẳng thu nhập ở các vùng ven đô của Việt Nam. Trước hết, chính sách khuyến nông có thể giúp nông dân gia tăng lợi tức từ nông nghiệp qua việc chuyển đổi sang canh tác các cây trồng có giá trị kinh tế cao. Kinh nghiệm chuyển đổi thành công sang canh tác và sản xuất cây trồng có giá trị kinh tế cao có thể học hỏi ở một số quận huyện khác của Hà Nội. Ví dụ cho thấy ở khu vực Từ Liêm, Tây Hồ và Hoàng Mai, các nông hộ thu được lợi ích đáng kể qua việc chuyển đổi từ canh tác cây lương thực sang canh tác các nông phẩm có giá trị cao như rau sạch, hoa và cây cảnh (Lee, Binns, & Dixon, 2010). Điều này hàm ý rằng các chính sách khuyến nông hỗ trợ nông dân chuyển sang canh tác cây trồng có lợi nhuận cao nên được thực hiện. Bên cạnh đó, việc xây dựng các chợ địa phương và phát triển cơ sở hạ tầng có thể giúp mở rộng các cơ hội việc làm phi nông nghiệp cho nhiều hộ gia đình nông thôn không còn đất canh tác (Tuyen và cộng sự, 2014). □

Ghi chú:

1. Sáu xã bao gồm: Song Phương, Lại Yên, Kim Chung, An Thượng, Đức Thượng và Vân Cồn.

Lời cảm ơn: Tôi xin chân thành cảm ơn Đại học Waikato, New Zealand đã tài trợ cho công việc thu thập dữ liệu khảo sát hộ gia đình năm 2010. Cảm ơn Tiến sỹ Steven Lim và Tiến sỹ Michael. P Cameron tại Đại học Waikato, New Zealand về những đóng góp cho phương pháp nghiên cứu của bài viết này.

Tài liệu tham khảo

- Adams, R. H. (1991), *The effects of international remittances on poverty, inequality, and development in rural Egypt*, International Food Policy Research Institute, Washington D.C, USA.
- Adger, W. N. (1999), 'Exploring income inequality in rural, coastal Viet Nam', *The Journal of Development Studies*, 35(5), 96-119.
- Bellù, L. G., & Liberati, P. (2006), *Inequality Analysis :The Gini Index*, Rome, Italy: Food and Agriculture Organization of the United Nations.
- Cam, T. V. C., & Akita, T. (2008), 'Urban and rural dimensions of income inequality in Vietnam', (GSIR working paper), Graduate School of International Relations, International University of Japan.
- GSO (2008), *Questionnaire on Household Living Standard Survey 2008 (VHLSS-2008)*, General Statistical Office, Hanoi, Vietnam.
- Lee, B., Binns, T., & Dixon, A. B. (2010), 'The Dynamics of Urban Agriculture in Hanoi, Vietnam', *The Journal of Field Action* (Special issue 1), 1-8.
- Lerman, R. I., & Yitzhaki, S. (1985), 'Income inequality effects by income source: a new approach and applications to the United States', *The Review of Economics and Statistics*, 67(1), 151-156.
- López-Feldman, A. (2006), 'Decomposing inequality and obtaining marginal effects', *Stata Journal*, 6(1), 106-111.
- Nguyen, V. C. (2010), 'The impact of a minimum wage increase on employment, wages and expenditures of low-wage workers in Vietnam', MPRA Paper No. 36751.
- Shorrocks, A. F. (1982), 'Inequality decomposition by factor components', *Econometrica*, 50(1), 193-211.
- Stark, O., Taylor, J. E., & Yitzhaki, S. (1986), 'Remittances and inequality', *The Economic Journal*, 96(383), 722-740.
- Trần Quang Tuyền (2014), 'Phân tách hệ số Gini theo nguồn thu nhập ở Việt Nam giai đoạn 2002-2012', *Nghiên cứu Kinh tế*, 54 (8), 14-21.
- Tuyen, T. Q., Lim, S., Cameron, M. P., & Huong, V. V. (2014), 'Farmland loss and livelihood outcomes: A micro-econometric analysis of household surveys in Vietnam', *Journal of the Asia Pacific Economy*, 19(3), 423-444.
- UBND Huyện Hoài Đức (2010), *Báo cáo thuyết minh kiểm kê đất đai năm 2010*, Hà Nội, Việt Nam.
- Van Den Berg, M., & Kumbi, G. E. (2006), 'Poverty and the rural nonfarm economy in Oromia, Ethiopia', *Agricultural Economics*, 35(3), 469-475.

Thông tin tác giả:

* **Trần Quang Tuyền**, Tiến sỹ Kinh tế học

- Tổ chức tác giả công tác: Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội

- Lĩnh vực nghiên cứu: Sinh kế hộ gia đình, đất đai, đói nghèo, bất bình đẳng, phúc lợi hộ gia đình, việc làm phi nông nghiệp, phát triển nông thôn.

- Một số tạp chí đã đăng tải công trình nghiên cứu: *Post-Communist Economies (ISI)*; *Journal of the Asia Pacific Economy (ISI)*; *Applied Economics Letters (ISI)*; *International Development Planning Review (ISI)*; *Hitosubashi Journal of Economics (ISI)*; *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*; *Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế*; *Tạp chí những Vấn đề Kinh tế và Chính trị Thế giới*.

- Địa chỉ liên hệ: Địa chỉ Email: tuyentq@vnu.edu.vn

** **Vũ Văn Hương**, Tiến sỹ Kinh tế học

- Tổ chức tác giả công tác: Khoa Kinh tế học, Học viện Tài chính

- Lĩnh vực nghiên cứu: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, mức sống dân cư, xuất khẩu và năng suất

- Một số bài báo đã công bố trên các tạp chí quốc tế và trong nước: *Post-Communist Economies (ISI)*; *Journal of the Asia Pacific Economy (ISI)*; *Applied Economics Letters (ISI)*; *International Development Planning Review (ISI)*; *Economics Bulletin (Scopus)*.

- Địa chỉ liên hệ: Địa chỉ Email: huongvu@waikato.ac.nz